

Bản án số: 29/2018/HS-ST

Ngày: 02/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Bích Thủy;
2. Ông Nguyễn Hữu Trục.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trương Bảo Long- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 276/2017/TLST- HS ngày 18 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST- HS ngày 21/2/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; tên gọi khác: C; sinh ngày 10/12/1989, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số 244 đường V, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ làm thạch cao; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y và bà Bùi Thị H; có vợ: Trương Thị Như H và 01 con (sinh năm 2015); tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

* ***Bị hại:*** Chị Lê Phụng Hoàng T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 155 P, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

* ***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Trương Thị Như H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 12 đường L, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Anh Trần Văn N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 13 đường Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 88 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Chị Lê Như A, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 3 đường Số 6, khu A City, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 155 P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 26/8/2015, Nguyễn Văn T cùng vợ là Trương Thị Như H đến cửa hàng cho thuê xe mô tô của chị Lê Phụng Hoàng T thuê xe mô tô để dùng làm phương tiện đi lại. Tại đây, bị cáo T trực tiếp liên hệ với chị T, thỏa thuận thuê một chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 75H1-255.80 với giá 80.000 đồng/ngày, sau 05 ngày sẽ đến trả tiền và gia hạn thời hạn thuê xe. Do bị cáo T không mang giấy chứng minh nhân dân, nên nhờ chị Trương Thị Như H dùng chứng minh nhân dân của mình để làm hợp đồng thuê xe. Sau khi thuê, T sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đến khoảng tháng 9/2015, khi gặp và ngồi uống cà phê với anh Trần Văn N thì T bị anh N yêu cầu trả số tiền 3.000.000 đồng mà T nợ từ trước đó. Do không có tiền trả, nên Nguyễn Văn T đã nảy sinh ý định đưa xe mô tô 75H1-255.80 cho anh N đem đi cầm cố, lấy tiền trừ nợ. T nói với anh N: “Đem xe mô tô Honda wave đi cầm cố lấy tiền trước, khi nào T có tiền sẽ đi chuộc xe về sau”. Anh N hỏi “Xe của ai, giấy tờ ở đâu?”, T trả lời: “Xe của mẹ cho, giấy tờ mẹ đang giữ”. Nghe vậy, anh N tin tưởng, nên đồng ý. Sau đó, anh N đưa xe mô tô 75H1-255.80 đến tiệm cầm đồ A ở 123 T, phường H, thành phố Huế liên hệ cầm cố cho anh Nguyễn Thanh V với số tiền 4.000.000 đồng (anh V đưa cho anh N 3.500.000 đồng, lấy trước 500.000 đồng tiền lãi). Sau khi cầm xe, anh N điện thoại thông báo lại cho bị cáo T, nhưng sau đó T không đến chuộc lại xe, mà cùng vợ và làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh. Chị Lê Phụng Hoàng T nhiều lần liên hệ với bị cáo T để yêu cầu trả xe và tiền thuê nhưng không được, nên đã làm đơn trình báo cơ quan Công an yêu cầu xử lý.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh. Biển số 75H1-255.80;
- 01 hợp đồng thuê xe, ghi ngày 26/8/2015;
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 191894864 mang tên Trương Thị Như H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 189/KL-HĐĐG ngày 24/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận: Giá trị xe

mô tô hiệu Honda Wave, biển số 75H1-255.80 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô 75H1-255.80 cho chị Lê Phụng Hoàng T. Các vật chứng khác được lưu theo hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Phụng Hoàng T yêu cầu Nguyễn Văn T phải trả 10.000.000 đồng tiền thuê xe. Hiện T chưa trả.

Bản cáo trạng số: 01/QĐ-KSĐT ngày 15/12/2017 của Viện kiểm nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm g, h, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 04 đến 06 tháng tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, Nguyễn Văn T khai nhận, vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 26/8/2015, Nguyễn Văn T và vợ là Trương Thị Như H thuê của chị Lê Phụng Hoàng T một chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh, biển số 75H1-255.80 để sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến tháng 9/2015, Nguyễn Văn T đã đưa xe mô tô trên cho Trần Văn N đi cầm cố, lấy tiền trả nợ cho N. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền trả nợ nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử phạt bị cáo mức án phù hợp để răn đe, giáo dục bị cáo. Xét thấy, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, về nhân thân không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Nên không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây

ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm mà tạo điều kiện cho bị cáo lao động tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, nên xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với hợp đồng thuê xe, ghi ngày 26/8/2015 cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án; **Trả lại cho chị Trương Thị Như H một giấy chứng minh nhân dân.**

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bà Lê Phụng Hoàng T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T trả tiền thuê xe, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 140, các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xét

3. Về vật chứng: **Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.**

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án hợp đồng thuê xe máy ngày 26/8/2015; Trả lại cho chị Trương Thị Như H 01 CMND. **(Các vật chứng hiện đang được lưu tại hồ sơ).**

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt

có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Công an TP Huế;
- Sở tư pháp;
- Phòng PV 27 Công an T-T-Huế;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Thái Thị Hồng Vân